



CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG
RANGDONG LIGHT SOURCE & VACUUM FLASK JOINT STOCK COMPANY

PHÒNG THỬ NGHIỆM VILAS 126

Add: 87-89, Hadinh Str - Thanh Xuan Dist - Hanoi - Vietnam

Tel: (84.24) 38584310 - 38584165 Fax: (84.24) 38585038

Email: ralaco@rangdong.com.vn Website: rangdongvn.com

Số/No.: 21.08.17 / TN - 22

Trang/Page: 1 / 2

- Tên mẫu thử: Đèn LED chiếu sáng đường CSD06 120W 4000K
Name of sample
- Khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG
Customer Địa chỉ: 87-89 Phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân,
TP Hà Nội
- Nhà sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG
Manufacturer
- Số lượng mẫu: 01 cái
Quantity of samples
- Ký hiệu: CSD06 120W
Model
- Mã số mẫu: 21.08.17.22
Code of sample
- Ngày nhận mẫu: 17/08/2021
Date of reception
- Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 7722 -1:2017/ IEC 60598-1:2014
Standard applies TCVN 7722 -2-3:2007/ IEC 60598-2-3:2003
TCVN 10885-2-1:2015/ IEC 62722-2-1:2014
- Kết quả: Xem trang 02/ 02
Result

Hanoi, Date of 24/ 08/ 2021

Thử nghiệm viên/Tester

(Họ tên và chữ ký/name and signature)

Nguyễn Minh Thư

KT. Trưởng PTN/ Head of Lab.

(Họ tên và chữ ký/name and signature)



Kim Tuấn Anh

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng mang tới/ This result of testing is only for sample brought in the by customer
- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của Công ty/ Copying of part of this result is prohibited without agreement by the company.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo khai báo của khách hàng./ Name of sample and name of customer is written according to the declaration of the customer

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Test Results

| TT/ N ₀ | Tên chỉ tiêu Specifications | Đơn vị Unit | Phương pháp thử Test method | Yêu cầu Requirement | Kết quả Result |
|-----------------------|--|----------------|--|--|-------------------|
| 1 | Ghi nhãn | | TCVN 7722 -1:2017/ IEC 60598-1:2014 | Rõ ràng, đủ độ bền | Đạt |
| 2 | Thử nóng ẩm trong 48 giờ ở nhiệt độ (20 ÷ 30)°C, độ ẩm tương đối (91 ÷ 95) %RH | | TCVN 7722 -2-3:2007/ IEC 60598-2-3:2003 | | |
| 2.1 | Điện trở cách điện | MΩ | TCVN 10885-2-1:2015/ IEC 62722-2-1:2014 | ≥ 2 | > 200 |
| 2.2 | Thử nghiệm độ bền điện áp 1440 V/1 phút, tần số 50 Hz | | | Không bị phóng điện bề mặt, đánh thủng | Đạt |
| 3 | Thông số điện, quang khi cấp điện áp nguồn 220V/50Hz | | | | |
| 3.1 | Công suất | W | | ≤ 120 + 10 % | 122,7 |
| 3.2 | Dòng điện | mA | | -- | 570,8 |
| 3.3 | Hệ số công suất | | | ≥ 0,95 – 0,05 | 0,977 |
| 3.4 | Quang thông | lm | | ≥ 15 600 – 10 % | 17 202 |
| 3.5 | Hiệu suất phát sáng | lm/W | | ≥ 130 – 20% | 140,1 |
| 3.6 | Nhiệt độ màu tương quan (CCT) | K | | -- | 4 060 |
| 3.7 | Hệ số thể hiện màu (CRI) | | | ≥ 70 | 71,7 |
| 4 | Thử nghiệm cấp bảo vệ vỏ ngoài (mã IP) | | | IP66 | Đạt |
| 5 | Thử nghiệm chịu va đập cơ học IK08 | | | Không hư hỏng | Đạt |
| 6 | Thử nghiệm chịu xung sét 10 kV | | | Không hư hỏng | Đạt |